BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 95 /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định số lượng tuyển sinh, chương trình đào tạo, tuyển sinh và đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, đại học và sau đại học

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định số lượng tuyển sinh, quy định về chương trình đào tạo và các quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và các trình độ đại học, sau đại học.

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ TUYỂN SINH CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 06/2026/TT-BGDĐT NGÀY 15 THÁNG 02 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 2

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

"12. *Phương thức tuyển sinh* là việc cơ sở đào tạo sử dụng độc lập hoặc kết hợp các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập trung học nghề (THN), điểm thi tốt nghiệp THN, kết quả kỳ thi độc lập, kết quả kỳ thi tuyển sinh, kết quả kỳ thi bổ trợ, chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ngoại ngữ dùng để thay thế điểm môn ngoại ngữ), phương thức xét tuyển đối tượng cử tuyển để xét tuyển thí sinh vào một chương trình đào tạo".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 18 như sau:

"18. *Yêu cầu đầu vào* là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá và các điều kiện về yêu cầu đầu vào của chuẩn chương trình đào tạo và ngưỡng đầu vào để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5

"1. Người dự tuyển trước khi đăng ký xét tuyển bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT của Việt Nam theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Người đã được công nhận tốt nghiệp THN của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THN của Việt Nam có cùng nhóm ngành dự tuyển;

c) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Cơ sở đào tạo sử dụng tối đa 05 phương thức tuyển sinh và mỗi chương trình, hình thức đào tạo sử dụng tối đa 03 phương thức tuyển sinh áp dụng từ năm 2027 và tối đa 02 phương thức áp dụng từ năm 2028, không bao gồm phương thức xét tuyển thẳng, xét tuyển đối tượng cử tuyển.".

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung đề dẫn khoản 2 như sau:

"2. Mỗi phương thức tuyển sinh gắn với một mã số tại Phụ lục V, cơ sở đào tạo phải quy định cụ thể trọng số tính điểm xét của từng hợp phần trong từng phương thức và bảo đảm các thí sinh có cùng điều kiện tham gia xét tuyển (trừ đối tượng xét tuyển thẳng), quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức

tính điểm xét bảo đảm chỉ có duy nhất một thang điểm xét tuyển, điều kiện trúng tuyển trong đó:".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học bao gồm một trong các đối tượng sau đây, không áp dụng đối với các thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước:

a) Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm theo tổ hợp xét tuyển của các phương thức tuyển sinh (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30;

b) Thí sinh được miễn thi tốt nghiệp THPT, THN; thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT, THN và thí sinh quy định tại khoản 1, các điểm a, c, d và đ khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng ban hành kèm Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

c) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và sau 36 tháng kể từ khi tốt nghiệp (trừ trường hợp thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển vào ngành đào tạo đặc thù thuộc nhóm ngành Âm nhạc và Nghệ thuật trình diễn);

d) Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng (không có bằng THPT) và sau 24 tháng kể từ khi tốt nghiệp (trừ trường hợp thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển vào ngành đào tạo đặc thù thuộc nhóm ngành Âm nhạc và Nghệ thuật trình diễn);

đ) Người dự tuyển có kết quả thi tốt nghiệp THN đạt yêu cầu do Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chi tiết và thông báo hằng năm được đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo trình độ đại học cùng nhóm ngành đào tạo.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Yêu cầu đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển (có từ một môn thi trở lên) đáp ứng đồng thời Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và ngưỡng đầu vào được quy định hằng năm như sau:".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Yêu cầu đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên và chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển đáp ứng đồng thời Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và đạt ngưỡng đầu vào do Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định hằng năm và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12;

b) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 đối với các chương trình đào tạo Giáo dục thể chất, Sư phạm âm nhạc, Sư phạm mỹ thuật;

c) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 đối với các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Yêu cầu đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển đáp ứng đồng thời Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và đạt ngưỡng đầu vào do Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định hằng năm và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12;

b) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 đối với chương trình đào tạo Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

a) Đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo giáo viên, chương trình thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, chương trình thuộc lĩnh vực pháp luật, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này, có bằng tốt nghiệp trung cấp xếp loại giỏi hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng loại khá trở lên.

b) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các chương trình đào tạo Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Thể chất, phải có bằng tốt nghiệp trung cấp xếp loại khá trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Người có bằng tốt nghiệp đại học xếp hạng tốt nghiệp loại khá trở lên; người có bằng đại học xếp hạng tốt nghiệp trung bình hoặc trung bình khá phải sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp; người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn được xét tuyển vào ngành đào tạo theo ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định.".

6. Bổ sung khoản 8, khoản 9 và khoản 10 vào sau khoản 7 như sau:

"8. Yêu cầu đầu vào đối với chương trình đào tạo không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này đáp ứng đồng thời Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và đạt ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định.

Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm dự tuyển phải đáp ứng ngưỡng đầu vào của năm thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc ngưỡng đầu vào năm dự tuyển.

9. Đối với các chương trình đào tạo có tổ hợp xét tuyển không đủ 03 môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc THN, cơ sở đào tạo sử dụng tối đa tổng số môn thi của kỳ thi tốt nghiệp trong tổ hợp xét tuyển để xây dựng và quy định ngưỡng đầu vào tương ứng với thang điểm 30.

10. Yêu cầu đầu vào các chương trình đào tạo đối với người dự tuyển tốt nghiệp THN đạt ngưỡng đầu vào đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Đối với chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề đáp ứng đồng thời: Kết quả trung bình chung học tập 3 năm của chương trình giáo dục THN học lực xếp loại từ giỏi trở lên, Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và đạt ngưỡng đầu vào do Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định hằng năm.

b) Đối với các chương trình đào tạo còn lại đáp ứng đồng thời: Kết quả trung bình chung học tập 3 năm của chương trình giáo dục THN học lực xếp loại từ khá trở lên, Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và đạt ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quyết định.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung nội dung đề dẫn khoản 1 Điều 11

"1. Cơ sở đào tạo xây dựng, công bố, thực hiện đúng cam kết thông tin tuyển sinh về đối tượng, điều kiện dự tuyển, nguồn tuyển, phương thức tuyển sinh, ngưỡng đầu vào, quy tắc quy đổi độ lệch điểm, tiêu chí phụ (nếu có); có trách nhiệm giải trình với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 15

"c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;".

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

"b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ, không thu thêm lệ phí xét tuyển dưới bất kỳ hình thức nào đối với thí sinh đăng ký và nộp lệ phí xét tuyển qua Hệ thống xét tuyển chung.".

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c như sau:

"d) Tuân thủ quy trình xét tuyển, bảo đảm xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố; khai thác, sử dụng dữ liệu tuyển sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; giảm thiểu tối đa hồ sơ và thủ tục hành chính từ đăng ký xét tuyển đến nhập học; không yêu cầu thí sinh bổ sung các hồ sơ, giấy tờ, chứng chỉ, chứng nhận kết quả đã có đầy đủ, hợp lệ trên Hệ thống dữ liệu tuyển sinh, trừ trường hợp thông tin chưa đầy đủ, chưa được cập nhật hoặc cần xác minh theo quy định.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 19

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Ban hành kế hoạch chung cho tuyển sinh đào tạo chính quy và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh đối với các cơ sở đào tạo; ban hành hướng dẫn kỳ thi tuyển sinh của cơ sở đào tạo gắn với công tác xét tuyển; thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh để chỉ đạo các cơ sở đào tạo trong công tác tuyển sinh hằng năm.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Quyết định việc điều chỉnh đăng ký xét tuyển, thời gian xét tuyển, đợt xét tuyển, thời gian công bố kết quả: trong trường hợp cơ quan có thẩm

quyền phát hiện dấu hiệu bất thường về nguồn tuyển; trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh; thay đổi của kỳ thi tốt nghiệp THPT; và các trường hợp bất khả kháng khác không trái quy định của pháp luật.”.

Điều 9. Bãi bỏ các khoản, cụm từ, bổ sung, thay thế cụm từ tại các Điều 2, Điều 6, Điều 8, Điều 11, Điều 15, phụ lục III

1. Bãi bỏ: khoản 20 Điều 2, điểm c khoản 2 Điều 6; khoản 5 Điều 8 trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này.

2. Từ năm tuyển sinh 2028, bỏ các cụm từ: bỏ cụm từ “điểm cộng” tại khoản 15 Điều 2; bỏ cụm từ “và điểm cộng” tại khoản 24 Điều 2; bỏ cụm từ “cả điểm cộng và” tại điểm d khoản 2 Điều 6; bỏ cụm từ “điểm cộng” tại điểm b mục 5 phần II tại Thông tin tuyển sinh, phụ lục III; bỏ cụm từ “và ưu tiên xét tuyển” tại tên và khoản 6 Điều 8; bỏ cụm từ “ưu tiên xét tuyển” tại mục 7 phần II tại Thông tin tuyển sinh, phụ lục III.

3. Từ năm tuyển sinh 2028, bãi bỏ Điều 10 của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng Ngành giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học.

4. Bỏ cụm từ “chính quy và thường xuyên” tại tên Điều 9; bỏ cụm từ “chính quy” tại tên Chương II.

5. Bổ sung cụm từ “sư phạm” trước cụm từ “Mỹ thuật” tại khoản 4 Điều 6; bổ sung cột “Mã phương thức” tại mục 4 phần II phụ lục III và mục 2 phần II phụ lục IV.

6. Thay thế cụm từ “hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT” bằng cụm từ “THPT, THN hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT, THN của” tại điểm b khoản 2 Điều 6; thay thế cụm từ “Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01” bằng cụm từ "Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng 01” tại điểm a đối tượng 05 nhóm 2 phụ lục II.

7. Bổ sung phụ lục V vào Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng ban hành kèm Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 34/2026/TT-BGDĐT NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, THẠC SĨ, TIẾN SĨ VÀ SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3

"4. Giảng viên hợp đồng toàn thời gian bao gồm cả giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 và đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhà giáo hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu, ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ làm việc của giảng viên đại học, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.".

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Cơ sở đào tạo tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình trong việc xác định số lượng tuyển sinh theo nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp, trình tự quy định tại Thông tư này; bảo đảm giảng viên tham gia xác định số lượng tuyển sinh phải thực hiện đủ nghĩa vụ, định mức về giờ giảng, minh chứng thu nhập qua cơ sở dữ liệu; công bố công khai theo quy định tại các quy chế tuyển sinh hiện hành; trường hợp số lượng tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo thì công bố số lượng tuyển sinh theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định số lượng tuyển sinh đối với các cơ sở đào tạo thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

"d) Không vượt quá năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo đối với nhóm ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, riêng các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe trình độ thạc sĩ không vượt quá năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo đối với từng ngành đào tạo;".

Điều 12. Bãi bỏ khoản 5 Điều 5

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 53/2026/TT-BGDĐT NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 13. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 3

"1a. Đào tạo trình độ thạc sĩ tổ chức thực hiện theo hình thức đào tạo chính quy và thường xuyên. Trường hợp người học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được nhận học bổng Chính phủ theo Nghị định số 179/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách học bổng cho các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược, yêu cầu thực hiện theo hình thức chính quy, tập trung toàn thời gian học tập, nghiên cứu theo kế hoạch học tập toàn khóa do cơ sở đào tạo ban hành, tham gia các hoạt động chuyên môn của cơ sở đào tạo, không làm việc toàn thời gian tại cơ quan, tổ chức khác trong thời gian học tập.".

Điều 14. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 4

"8. Người học của phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo được sáp nhập, chia tách, giải thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo.".

Điều 15. Thay thế cụm từ tại khoản 4 Điều 15

Thay thế cụm từ "chỉ tiêu tuyển sinh" thành "số lượng tuyển sinh" tại khoản 4 Điều 15.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17

"1. Người hướng dẫn phải đáp ứng tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này (bao gồm cả đối tượng thuộc khoản 3 Điều 16 của Quy chế này) và có năng lực hướng dẫn nghiên cứu, có công bố khoa học thuộc danh mục Web of Science (WoS) hoặc Scopus (hoặc danh mục tạp chí khoa học quốc gia loại I theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ áp dụng đối với các lĩnh vực an ninh, quốc phòng) hoặc sách xuất bản hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu trong 05 năm tính đến thời điểm hướng dẫn nghiên cứu sinh, đồng thời đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của ngành, lĩnh vực đào tạo.".

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18

"1. Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo để nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng. Trong đó, định hướng nghiên cứu nhằm phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới; định hướng ứng dụng nhằm giải quyết vấn đề, dự án, đề tài ứng dụng thực tiễn.".

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 22

1. Bỏ cụm từ "độc lập" trong cụm từ "người hướng dẫn độc lập" tại điểm a khoản 3;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

a) Bãi bỏ điểm b;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

"c) Trường hợp có từ 02 ý kiến phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, cơ sở đào tạo yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và thực hiện quy trình phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện phản biện độc lập quá hai lần đối với cùng một luận án.".

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 34

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối với các khóa có thông báo tuyển sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2027, cơ sở đào tạo được tiếp tục tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng theo quy định của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT và Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT cho đến khi người học hoàn thành khóa học.".

2. Bổ sung khoản 5, khoản 6 và khoản 7 vào sau khoản 4:

"5. Yêu cầu đầu vào đối với người dự tuyển và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đối với người học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ tổ chức thực hiện theo Quy chế này áp dụng theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của trình độ, ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng.

Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng, cơ sở đào tạo tiếp tục áp dụng yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đã được ban hành trước ngày Thông tư

này có hiệu lực cho đến khi chuẩn chương trình đào tạo của trình độ, ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng được ban hành và áp dụng.

6. Đối với người học đã trúng tuyển và nhập học trước ngày 01 tháng 01 năm 2027 theo quy định của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở đào tạo xem xét, quyết định áp dụng thực hiện khoản 2 và khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 16, Điều 21, khoản 5 và khoản 6 Điều 22, khoản 4 Điều 23 của Quy chế này trong trường hợp việc áp dụng có lợi cho người học khi đã đáp ứng đủ các yêu cầu tương ứng.

7. Trong thời gian Bộ Khoa học và Công nghệ chưa công bố danh mục tạp chí khoa học quốc gia loại I, bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm từ 1,0 trở lên được sử dụng để đáp ứng yêu cầu về công bố khoa học quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 của Quy chế này; các bài báo đã được công bố hoặc được chấp nhận đăng hợp lệ trước thời điểm công bố danh mục nêu trên tiếp tục được xem xét theo quy định tại khoản này.”.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 54/2026/TT-BGDĐT NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ: người học phải tốt nghiệp đại học hoặc có văn bằng, trình độ bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc có văn bằng, trình độ bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đối với chương trình đào tạo tích hợp trình độ đại học và thạc sĩ áp dụng yêu cầu đầu vào như đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này và Quy chế đào tạo trình độ tương ứng; đối với chương trình đào tạo tích hợp trình độ thạc sĩ và tiến sĩ áp dụng yêu cầu đầu vào như đối với các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư này và Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 9

“b) Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp phải dành từ 06 đến 09 tín chỉ cho hoạt động thực tập; từ 06 đến 09 tín chỉ cho đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp trong trường hợp chương trình thiết kế có yêu cầu thực hiện đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp;”.

Điều 22. Thay thế một số mẫu tại Phụ lục

Thay thế Mẫu số 4, Mẫu số 6A và Mẫu số 6B tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT bằng các mẫu tương ứng tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày *11* tháng 11 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Từ Điều 1 đến Điều 9 của Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; bộ, ngành có liên quan; giám đốc các đại học, học viện; hiệu trưởng các trường đại học; thủ trưởng các cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học, hiệu trưởng các cơ sở giáo dục được phép đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở đào tạo đã sử dụng điểm cộng trong các phương thức tuyển sinh theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ban hành ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm 2026 trở về trước, quyết định việc tiếp tục áp dụng *điểm cộng* cho năm tuyển sinh 2027 nhưng tổng *điểm cộng* không vượt quá 0,50 điểm theo thang điểm 30 và có trách nhiệm giải trình về việc sử dụng *điểm cộng* trong phương thức tuyển sinh. Từ năm tuyển sinh 2028 trở đi, cơ sở đào tạo không sử dụng *điểm cộng* trong tuyển sinh.

2. Cơ sở đào tạo đã ban hành thông báo tuyển sinh sau ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục áp dụng các quy định tại Thông tư số 34/2026/TT-BGDĐT ban hành ngày 19 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc áp dụng thực hiện các Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Thông tư này trong trường hợp việc áp dụng có lợi cho người học và bảo đảm đã đáp ứng đủ các yêu cầu tương ứng, quyền lợi cho tất cả người học, bao gồm cả người đã đăng ký dự tuyển nhưng chưa nhập học của khóa tuyển sinh./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT (để phối hợp);
- Như Điều 24 (để thực hiện);
- Công báo Chính phủ;
- Cổng PLQG; CSDLQG về VBQPPL;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Quân

Phụ lục IV
MẪU THAM KHẢO CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu 4

BỘ, NGÀNH **TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*....., ngày ... tháng ... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo (*tên chương trình*) trình độ … ngành …

HIỆU TRƯỞNG …….

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ...;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng về việc thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo;

Căn cứ kết quả thẩm định Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ... của Hội đồng Khoa học và Đào tạo/Hội đồng chuyên môn theo Biên bản số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Theo đề nghị của ……,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo (*tên chương trình*) trình độ ..., ngành ..., mã ngành ....

Nội dung chương trình đào tạo (*tên chương trình*) được thực hiện theo Chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chương trình đào tạo (*tên chương trình*) ban hành theo Quyết định này là căn cứ để tổ chức thực hiện và rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - Lưu: VT….	**HIỆU TRƯỞNG** (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 6A

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-..... *……, ngày ... tháng ... năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (*tên chương trình*) trình độ … ngành …

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ hồ sơ đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ... của (tên cơ sở đào tạo) ...;

Theo đề nghị của ……..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo **(*tên chương trình*)** trình độ … ngành …, mã ngành … được ban hành theo Quyết định số … ngày … tháng … năm … của Hiệu trưởng …. (*tên cơ sở đào tạo*)…

Điều 2. *Cơ sở đào tạo* được tổ chức thực hiện, tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng đối với chương trình đào tạo **(*tên chương trình*)** quy định tại Điều 1 Quyết định này kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Cơ sở đào tạo có trách nhiệm duy trì đầy đủ các yêu cầu bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật, chuẩn chương trình đào tạo tương ứng và hồ sơ đã được phê duyệt; thực hiện trách nhiệm giải trình, cập nhật dữ liệu, công khai thông tin và chịu sự giám sát, kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền trong suốt quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo **(*tên chương trình*)**.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT….

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 6B

BỘ, NGÀNH **TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*……, ngày ... tháng ... năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ … ngành …

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG …

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định cấp phép hoạt động giáo dục đại học số[1] …;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ...;

Căn cứ Báo cáo rà soát năng lực tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ... số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Theo đề nghị của ……..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ … ngành …, mã ngành … đã được ban hành theo Quyết định số … ngày … tháng … năm ….

Điều 2. Chương trình đào tạo (tên chương trình) quy định tại Điều 1 Quyết định này được tổ chức tuyển sinh và đào tạo kể từ khóa tuyển sinh năm …. Khoa, viện, đơn vị chuyên môn và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (tên chương trình); duy trì đầy đủ các yêu cầu bảo đảm chất lượng theo quy định và hồ sơ đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - Lưu: VT….	**HIỆU TRƯỞNG** (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[1] Áp dụng đối với các chương trình thuộc ngành đào tạo mới được cấp phép hoạt động bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của cơ sở đào tạo.

PHỤ LỤC V
DANH MỤC MÃ SỐ CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Mã số	Tên phương thức xét tuyển	Ghi chú
1	100	Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	
2	101	Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THN	
3	200	Sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	
4	201	Sử dụng kết quả học tập cấp THN (học bạ)	
5	300	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	
6	301	Xét tuyển đối tượng cử tuyển	
7	401	Sử dụng kết quả Kỳ thi tuyển sinh chung của các cơ sở đào tạo	
8	402	Sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh của một CSĐT	
9	403	Sử dụng kết quả kỳ thi độc lập	
10	500	Sử dụng các chứng chỉ quốc tế đủ điều kiện	
11	600	Sử dụng phương thức kết hợp [(i)]	

[(i)] Trường hợp cơ sở đào tạo sử dụng Phương thức kết hợp (mã số 600) cần quy định trọng số tính điểm xét của từng hợp phần trong phương thức (cơ sở đào tạo quy định) và bảo đảm các thí sinh có cùng điều kiện tham gia xét tuyển (cơ sở đào tạo quy định). Ví dụ: Phương thức kết hợp có mã số 600 gồm ba phương thức thành phần có mã số 100, 200 và 402, với trọng số tính điểm xét lần lượt là 30%, 30% và 40%. Khi đó, điểm xét tuyển $Đ_{600} = 0,30 \times Đ_{100} + 0,30 \times Đ_{200} + 0,40 \times Đ_{402}$; bảo đảm tổng trọng số tính điểm xét luôn bằng 1,00 (0,30 + 0,30 + 0,40 = 1,00).